

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Hòa
- Bà Bùi Thị Cẩm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị D, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm H, thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm E, thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D và anh N đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2024, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 04/01/2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp nên đã xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng vẫn không giải quyết được. Nay

tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 02/8/2024, bị đơn anh Nguyễn Đức N trình bày:

Anh và chị Trần Thị D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và tự sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Đức N; chị D trình bày vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong thông báo về việc thụ lý vụ án Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là không chính xác. Do đó, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Đức N có nơi cư trú tại xóm E, thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị D và bị đơn anh Nguyễn Đức N đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đức N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày

04/01/2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đức N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ ý kiến trình bày của chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đức N trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị D, anh N sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng chị D, anh N sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đức N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, việc chị D yêu cầu được ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đức N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị D đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị D phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Đức N.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đức N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002664 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị D phải chịu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Cường;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong